

Bản án số: 270/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 08 / 11 / 2019  
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia  
đình ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Chí Bình.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Phước Công;
2. Ông Ngô Văn Mừng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 683/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 478/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 444/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Kim N, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp H, xã K, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; có mặt.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp H, xã L, huyện Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị Kim N trình bày, sau thời gian quen biết và tìm hiểu, bà N và ông T kết hôn vào năm 1994, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L ngày 19/6/2012. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Nguyễn Thị Thùy D1, sinh ngày 20/4/1995 và Nguyễn Thị Ánh D2, sinh ngày 12/5/2000. Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.*

Cách đây khoảng 02 năm, vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, chồng không quan tâm đến kinh tế, cuộc sống gia đình.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông T; không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết việc nuôi dưỡng con chung do con chung đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện gồm: bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 131/2012, quyển số 02/2011, ngày 19/6/2012, bản sao giấy khai sinh Nguyễn Thị Thùy D1, sinh ngày 20/4/1995 và bản sao giấy khai sinh của Nguyễn Thị Ánh D2, sinh ngày 12/5/2000 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện Chợ Mới cấp.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Bà N trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, bà N không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà N và ông T chung sống có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà N, ông T hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Từ khi bà N gửi đơn khởi kiện, ông T không có ý kiến phản hồi và không tạo điều kiện hàn gắn hạnh phúc nên mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông T theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung, do các con chung Nguyễn Thị Thùy D1, sinh ngày 20/4/1995 và Nguyễn Thị Ánh D2, sinh ngày 12/5/2000, đã thành niên và có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, đề nghị không đề cập giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Bà Trương Thị Kim N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Đồng thời, ông T cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà N và ông T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà N, ông T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà N xác định, cách đây khoảng 02 năm, vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, chồng không quan tâm đến kinh tế, cuộc sống gia đình, vợ chồng không còn sống chung khoảng 02 năm nay. Cho nên, bà N yêu cầu được ly hôn với ông T.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà N và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Bên cạnh đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông T nhưng ông T không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà N. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà N, ông T là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà N xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Nguyễn Thị Thùy D1, sinh ngày 20/4/1995 và Nguyễn Thị Ánh D2, sinh ngày 12/5/2000. Do các con chung đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân và bà N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Kim N.

1. Về hôn nhân: Bà Trương Thị Kim N được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 131/2012, quyển số 02/2011, ngày 19/6/2012 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho bà Trương Thị Kim N và ông Nguyễn Văn T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Do Nguyễn Thị Thùy D1, sinh ngày 20/4/1995 và Nguyễn Thị Ánh D2, sinh ngày 12/5/2000 đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không đề cập giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Trương Thị Kim N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2016/0013385 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 29 tháng 7 năm 2019; bà Trương Thị Kim N đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Trương Thị Kim N có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- UBND xã L, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Chí Bình**